

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ .

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Bảo Toàn và ông Nguyễn Bá Tòng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà tham gia phiên tòa: ông Trần Bảo Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1996 tại Phú Yên; Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: nhân viên kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T1, sinh năm 1957 và bà: Trần Thị N, sinh năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị Trân C (đã ly hôn năm 2024); có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Bị hại:** bà Lê Thị Thúy K, sinh năm 1973; Nơi cư trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** anh Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1996; Nơi cư trú: khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

*** Người làm chứng:** anh Nguyễn Hoài T3, sinh năm 1995; Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 44 phút ngày 18/01/2024, bà Lê Thị Thúy K đến cửa hàng T4 di động thuộc khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, yêu cầu nhân viên Nguyễn Ngọc T cài đặt ứng dụng trên điện thoại Iphone 12 Promax của bà K. Trong quá trình cài đặt, T mở ứng dụng chuyển tiền của Ngân hàng N1 trên điện thoại của bà K, phát hiện ứng dụng có lưu mật khẩu, T đăng nhập tài khoản số 4609205089967 của bà K có số tiền 225.000.000 đồng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho Nguyễn Hoàng T2 rồi xóa các tin nhắn thông báo liên quan đến nội dung chuyển tiền gửi đến điện thoại và trả điện thoại cho bà K đi về. Sau đó, T nhắn tin, gọi cho T2 qua ứng dụng Zalo, nói có nhờ người quen chuyển trả nợ cho T2 số tiền 1.300.000 đồng nhưng chuyển nhầm số tiền 5.000.000 đồng, T đề nghị T2 trả lại số tiền 3.700.000 đồng, T2 đồng ý nhưng chưa chuyển tiền cho T. Khoảng 10 giờ cùng ngày, bà K đến ngân hàng rút tiền, phát hiện tài khoản bị mất số tiền 5.000.000 đồng, nghi ngờ T lấy trộm nên báo cáo Cơ quan Công an thu hồi tài sản trả lại cho bà K.

Vật chứng vụ án: số tiền 5.000.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSĐH ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin Tòa xử mức án thấp, cho bị cáo tại ngoại để bị cáo giúp đỡ gia đình và sửa chữa thành người tốt.

Bị hại có đơn xin vắng mặt: về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ nhất, cho bị cáo tại ngoại; về dân sự không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng vụ án: vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo tại ngoại để lao động giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ, tài liệu trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại không khiếu nại gì nên đều là chứng cứ hợp pháp.

Tại phiên tòa: vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 44 phút ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại khu phố T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi trộm cắp của bà Lê Thị Thúy K số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị trộm đã trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất và tại đơn xin vắng mặt, bị hại tiếp tục xin hình phạt nhẹ nhất, cho bị cáo tại ngoại. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đủ sức khỏe, trong độ tuổi lao động nhưng không chịu lao động để có thu nhập chính đáng hợp pháp mà bị cáo lén lút trộm cắp số tiền 5.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội bộc phát, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Anh Nguyễn Hoàng T2 nhận số tiền 5.000.00 đồng mà bị cáo T đã trộm của bà K nhưng anh T2 không biết số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo T phạm tội trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T2 là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho UBND phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Công an thị xã Đông Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp; - Lưu HS.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh

Tứ